

Bản án số: 12/2023/HS- ST

Ngày 16 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Văn H;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đ;

2. Ông Hoàng Văn D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Ngh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 02/02/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Văn Ch**, sinh năm 2003. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12. Con ông Phùng Văn Ch, sinh năm 1957 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 5 anh em, bị cáo là thứ 5; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trương Văn H**, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 8/12. Con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là thứ 4; Vợ bị cáo: Quách Thị K, sinh năm 1995; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Trương Văn T**, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12. Con ông Trương Văn T, sinh năm 1967 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1971. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ 2. Vợ: Thân Thị T, sinh năm 1997 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Ngô Văn B**, sinh năm 2000. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Văn hóa: 12/12. Con ông Ngô Văn T, sinh năm 1976 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1977. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Ngô Thị L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn Đông Lâm, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Chị Phùng Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Trong Đàm, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Trong Đàm, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

4. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Trong Đàm, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

5. Anh Trần Văn C, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu phố Kim Thiều, phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

* **Người làm chứng:**

- Anh Cáp Trung Kh, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố Kim Thiều, phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

- Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn Phú Thuận, xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- Anh Lê Văn Tâ, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn Vụ Nông, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Đặng Văn Qu, sinh năm 1993 ở thôn Phú Thuận, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa biết Phùng Văn Ch, sinh năm 2003 ở tổ dân phố Đông Trong Đàm, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa là cộng tác viên công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (FE CREDIT) chi nhánh Bắc Giang. Khoảng tháng 7/2022, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên anh Quang liên hệ với Chỉnh để vay tín chấp số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Anh Quang và Chỉnh thỏa thuận sau khi vay được tiền, anh Quang sẽ trả cho Chỉnh tiền công là 18.000.000 đồng. Sau khi Chỉnh làm thủ tục cho anh Quang xong, đến ngày 09/8/2022, tài khoản của anh Quang nhận được số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, anh Quang chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết anh Quang đã nhận được tiền nhưng không trả cho Chỉnh số tiền như thỏa thuận, Chỉnh nói cho Trương Văn H, sinh năm 1991 ở tổ dân phố Đông Trong Đàm, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa biết. H liền gọi điện cho Trương Văn T, sinh năm 1993 ở cùng tổ dân phố và nhờ T tìm anh Quang để đòi tiền, T đồng ý. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/8/2022, T gọi điện cho H để thông báo là anh Quang đang làm ở xưởng mộc của anh Cáp Trung Kh, sinh năm 1980 ở khu phố Kim Thiều, phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thấy vậy, H rủ T cùng đi đòi tiền anh Quang, T đồng ý và rủ thêm B đi cùng. Sau đó, H thuê anh Lê Văn Tân, sinh năm 1998 ở tổ dân phố Vụ Nông, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa lái xe taxi chở Chỉnh, H, T và B cùng đi đến xưởng mộc mà anh Quang đang làm việc để đòi tiền.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/8/2022, Chỉnh, H, T, B đến xưởng mộc của anh Khoa gặp Quang. Do sợ anh Khoa biết bị đòi tiền nên anh Quang bảo tất cả ra ngoài nói chuyện. Sau đó, nhóm của Chỉnh bảo anh Quang lên xe taxi của anh Tân rồi cùng đi đến quán nước ở khu đô thị mới thuộc tổ dân phố Phú Mẫn, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong. Trên đường đi thì Chỉnh, H và T chửi và dùng tay tát vào mặt anh Quang và yêu cầu anh Quang trả số tiền 18.000.000 đồng như đã thỏa thuận nhưng anh Quang nói không có tiền. Thấy anh Quang bị đánh, anh Tân (người lái taxi) có can ngăn nhưng Chỉnh và H tiếp tục yêu cầu anh Quang điện thoại cho người thân vay tiền để trả nợ. Tại quán nước, các đối tượng tiếp tục chửi bới, ép anh Quang gọi điện cho người thân để vay tiền trả nợ thì anh Quang nói để điện thoại ở xưởng gỗ của anh Khoa. Thấy vậy, Chỉnh đưa điện thoại cho anh Quang để anh Quang điện cho anh Khoa và hỏi vay anh Khoa 1.000.000 đồng thì anh Khoa đồng ý. Sau đó, Chỉnh bảo anh Tân chở Chỉnh quay lại xưởng mộc của anh Khoa để lấy tiền. Lúc này, anh Khoa đã nhờ anh Trần Văn C, sinh năm 1988 là hàng xóm của anh Khoa chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Chỉnh. Sau khi nhận được tiền, Chỉnh bảo anh Khoa lấy ví tiền và điện thoại của anh Quang để ở trong xưởng đưa cho Chỉnh rồi Chỉnh quay lại quán nước đón anh Quang, H, T và B về quán ăn đêm của B ở

thôn Đông Lâm, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà. Tại đây, Chinh đưa ví tiền và điện thoại cho anh Quang và tiếp tục yêu cầu anh Quang gọi điện thoại vay tiền để trả nợ. Do sợ hãi nên anh Quang đã gọi điện thoại cho anh trai là anh Đặng Văn T, sinh năm 1990 ở thôn Phú Thuận, xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa để hỏi vay tiền thì được anh T chuyển khoản cho số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản của anh Quang. Sau đó, anh Quang chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng vừa vay của anh T vào tài khoản ngân hàng của Chinh. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi anh Quang không vay được tiền nữa thì nhóm của Chinh để cho anh Quang về đồng thời yêu cầu anh Quang phải trả nốt số tiền còn thiếu. Sau khi nhận được tiền, Chinh đã chuyển khoản hết số tiền 7.000.000 đồng trên cho H. Sau đó, H chuyển khoản trả công cho T 2.000.000 đồng, T tiếp tục chuyển khoản trả công cho B 1.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được các bị can chưa sử dụng.

Cùng ngày 10/8/2022, anh Đặng Văn Qu làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà.

Ngày 11/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phùng Văn Ch, Trương Văn H, Trương Văn T và Ngô Văn B. Thu giữ của H 01 điện thoại Iphone X, màu gold; Chinh 01 điện thoại Iphone 8Plus màu trắng; T 01 điện thoại Iphone 6S màu đen; B 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh.

Quá trình giải quyết vụ án Trương Văn H, Phùng Văn Ch, Trương Văn T và Ngô Văn B khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với anh Lê Văn Tân làm nghề lái taxi, được H thuê lái xe, không được bàn bạc trước về việc đòi nợ đối với anh Quang, khi các bị cáo đánh anh Quang ở trên xe, anh Tân đã can ngăn hành vi của các bị cáo nên không xem xét xử lý đối với anh Tân trong vụ án này.

Đối với thương tích của anh Quang do các đối tượng đánh, chỉ bị xây xước nhẹ, anh Quang không điều trị ở đâu và không có đề nghị gì.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hoà đã thu giữ đối với 01 điện thoại Iphone X, màu gold của H; 01 điện thoại Iphone 8Plus màu trắng của Chinh; 01 điện thoại Iphone 6S màu đen của T; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của B.

Về bồi thường dân sự: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1977 (mẹ B) bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; bà Phùng Thị T, sinh năm 1971 (mẹ T) bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (mẹ H) bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; bà Ngô Thị L, sinh năm 1958 (mẹ Chinh) bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường cho anh Quang là 10.000.000 đồng, anh Quang không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Số tiền anh Khoa nhờ anh Cường chuyển khoản cho Chinh đã được anh Quang trả lại nên anh Khoa không có yêu cầu gì.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-HH ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo B áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự.

1.1. Xử phạt: Phùng Văn Ch từ 03 năm 08 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.2. Xử phạt: Trương Văn H từ 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.3. Xử phạt: Trương Văn T từ 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.4. Xử phạt Ngô Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về tránh nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại Iphone X, màu gold của bị cáo H; 01 điện thoại Iphone 8Plus màu trắng của bị cáo Chính; 01 điện thoại Iphone 6S màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của bị cáo B.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị hại; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 10/8/2022, Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B tìm gặp và đưa anh Đặng Văn Qu lên xe ô tô taxi đi từ phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh sau đó tiếp tục đưa anh Quang về xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Trên xe đi từ xưởng mộc nhà anh Khoa đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong thì Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H đã có hành vi dùng vũ lực đánh, đe dọa và ép buộc anh Đặng Văn Qu, sinh năm 1993 ở thôn Phú Thuận, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa đưa tiền và đã chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của anh Quang. Mặc dù

Ngô Văn B không trực tiếp dùng vũ lực nhưng biết rõ Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H đi tìm gặp anh Quang nhằm mục đích đòi tiền nhưng B đồng ý đi cùng, khi gặp anh Quang thấy Chính, H và T đánh, đe dọa, ép anh Quang đưa tiền nhưng B không can ngăn mà đã có lời nói gây sức ép và đã trực tiếp cùng với các đối tượng đưa anh Quang về nơi ở của mình để tiếp tục ép anh Quang phải đưa tiền và B được ăn chia, hưởng lợi từ số tiền các bị cáo chiếm đoạt được của anh Quang. Do vậy, trong vụ án này Ngô Văn B giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng và bắt B cho người bị hại và quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau. Bị cáo Chính là người trực tiếp liên hệ và đưa ra mức thỏa thuận được hưởng tỷ lệ % đối với số tiền anh Quang vay được, khi anh Quang chưa thực hiện theo thỏa thuận thì Chính đã thống nhất với bị cáo H tìm anh Quang và trực tiếp dùng vũ lực ép anh Quang đưa tiền để chiếm đoạt nên bị cáo Chính giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo H và bị cáo T đã tiếp nhận ý chí của Chính và là người thực hành tích cực, ngang nhau trong việc chiếm đoạt tài sản của bị hại nên đều giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo B là người giúp sức nên giữ vai trò sau cùng trong vụ án này. Do vậy, khi áp dụng hình phạt cần phải xem xét đến mức độ, vai trò của mỗi bị cáo để có mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

[5]. Khi lượng hình Tòa án cần đánh giá các căn cứ sau:

[5.1] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; trong quá trình điều tra các bị cáo đã tác động để gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại nên đến nay bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T đã từng tham gia quân ngũ, sau khi hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương. Do vậy, các bị cáo đều được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5.2]. Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3]. Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều chưa từng bị kết án; không có tiền án, tiền sự.

[6] Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa về mức án đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ lỗi và H quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đối với bị cáo B là đồng phạm giữ vai trò giúp sức trong vụ án, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo B.

Mặc dù các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, coi thường pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, có như vậy mới đủ điều kiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình.

[7]. Xét về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân các bị cáo không có công việc ổn định, không có điều kiện kinh tế để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với anh Lê Văn Tân làm nghề lái taxi, được bị cáo H thuê lái xe, không được bàn bạc trước về việc đòi nợ đối với anh Quang, khi các bị cáo đánh anh Quang ở trên xe, anh Tân đã can ngăn các bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Tân là đúng.

[9] Đối với thương tích của anh Quang (bị hại) do các đối tượng đánh, chỉ bị xây xát nhẹ, anh Quang không điều trị ở đâu, từ chối giám định và không có đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

[10] Về Trách nhiệm dân sự:

- Anh Đặng Văn Qu là bị hại được đại diện gia đình các bị cáo bồi thường tổng số tiền 10.000.000 đồng, nay anh Quang không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết

- Chị Ngô Thị L (mẹ B); chị Phùng Thị T, (mẹ bị cáo T); chị Nguyễn Thị N (mẹ bị cáo H); chị Ngô Thị L đều không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền các chị đã đứng ra bồi thường cho bị hại thay cho các bị cáo. Do vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Đối với số tiền anh Cáp Trung Kh nhờ anh Trần Văn C chuyển khoản cho Chính đã được anh Quang trả lại, nay anh Khoa không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[11]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại Iphone X, màu gold của bị cáo H; 01 điện thoại Iphone 8Plus màu trắng của bị cáo Chính; 01 điện thoại Iphone 6S màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của bị cáo B đều có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn B.

1. Về hình phạt.

1.1. Xử phạt: Phùng Văn Ch 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

1.2. Xử phạt: Trương Văn H 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

1.3. Xử phạt: Trương Văn T 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

1.4. Xử phạt: Ngô Văn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/8/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại Iphone X, màu gold của bị cáo Trương Văn H; 01 điện thoại Iphone 8Plus màu trắng của bị cáo Phùng Văn Ch; 01 điện thoại Iphone 6S màu đen của bị cáo Trương Văn T; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh của bị cáo Ngô Văn B.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-HH ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc

Giang và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2023 giữa Công an huyện Hiệp Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phùng Văn Ch, Trương Văn T, Trương Văn H và Ngô Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hải